

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/01/2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Hà Vĩnh

2. Bà Trần Thị Dần

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M; Sinh năm: 1986

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D; Sinh năm: 1983

HKTT: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi chấp hành án: Trại giam P, Cục C10, Bộ Công an.

Địa chỉ: (Xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương).

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2022, bản tự khai ngày 21/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 29/01/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2011 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Hiện nay anh D đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Trại giam P (Địa chỉ: Xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương) về tội cố ý gây thương tích và vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/11/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 29/01/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2011 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tình tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên cuộc sống không hạnh phúc. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh D cũng đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho anh được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời anh cũng xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn D mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị M được ly hôn anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ nên căn cứ khoản 2 Điều 97; Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS), Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016, TAND huyện Thạch Thành thông báo cho VKSND huyện Thạch Thành biết để thực hiện chức năng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh D xin vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh D và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh D theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị M và anh D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị M và anh D vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị M và anh D.

[5]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 29/01/2007 không vi phạm các cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2011 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện tại, anh D đang phải đi chấp hành án phạt tù và vợ chồng đang sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả chị M và anh D đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn D được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị M và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về tài sản: Chị M và anh D không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn D được ly hôn.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền chị M đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2021/0007830; Ngày 18/10/2022. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn D. Chị M và anh D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc